



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BẢN TIN THAN NGÀY

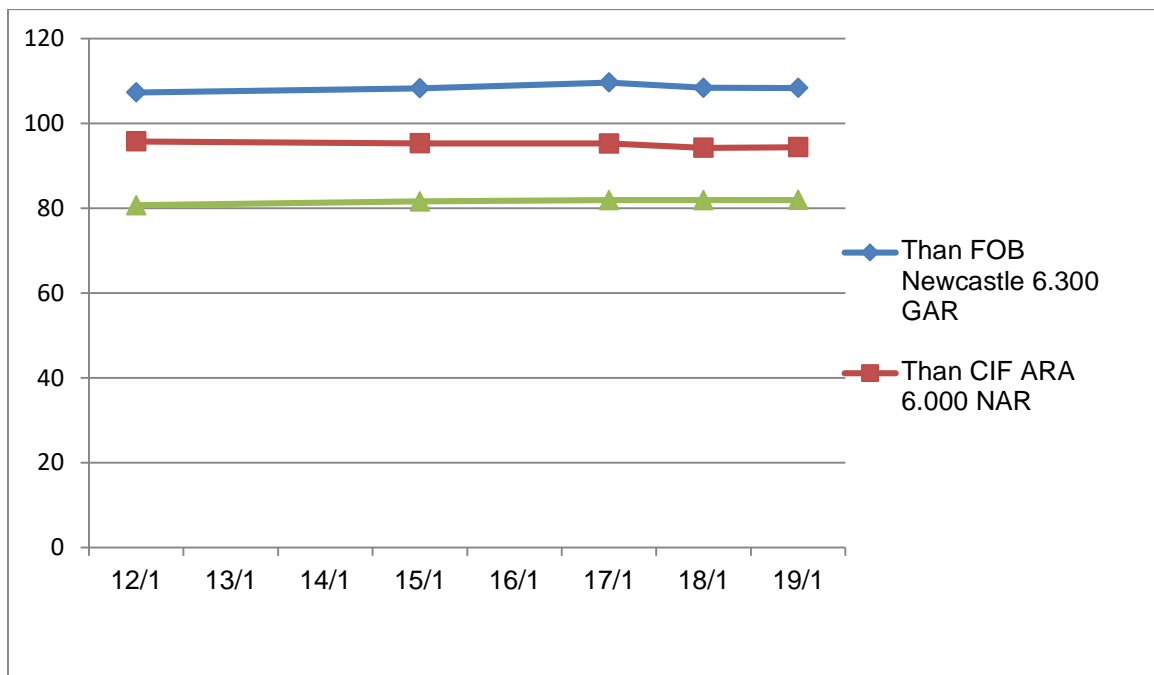
Ngày 23/01/2018

CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Giao ngay	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	108,35	-0,05	107,70	+0,30
CIF ARA 6.000 NAR	94,40	+0,15	94,00	+0,40
FOB Richards Bay 5.500 NAR	81,95	+0,05	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	86,20	+0,20
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	69,30	+0,00

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	56,00	-0,20	417,85	-3,01
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	76,50	+0,00	570,82	-2,05
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	92,00	+0,20	686,47	-0,98

GIÁ GIAO NGAY CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2018



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 19/01/2018)

DIỂM TIN

Khách hàng Châu Á quan tâm đến than Nga

Các hoạt động sát nhập và mua lại trong ngành công nghiệp than nhiệt của Australia cùng với việc giá than Newcastle 6.000 kcal/kg NAR tăng đã khiến các khách hàng Châu Á, bao gồm cả Nhật Bản tìm kiếm nguồn cung khác để thay thế và lựa chọn sáng giá hiện tại là Nga. Than Nga nhiệt trị 6.000 kcal/kg NAR tại khu vực bờ biển phía Đông của Nga đang được giao dịch với giá khoảng 105 USD/tấn, điều kiện FOB Vostochny. Loại than có nhiệt trị tương đương của Australia giao trong tháng 2 được giao dịch trong tuần này ở mức 108,25 USD/tấn, điều kiện FOB Newcastle trên globalCOAL. Khoảng cách vận chuyển từ Nga qua Thái Bình Dương tới các thị trường ở Đông Bắc Á ngắn hơn so với Australia. Giá cước thuê tàu Capesize 140.000 tấn cố định ở mức 3,75 USD/tấn cho tuyến cảng Vostochny đến cảng Dangjin thuộc Hàn Quốc. Như vậy giá than Nga 6.000 kcal/kg NAR giao trong tháng 2 là khoảng 108,75 USD/tấn, điều kiện CFR Hàn Quốc. So sánh với giá than Australia 6.000 kcal/kg NAR đến các cảng của Nhật Bản hiện đang ở mức 120 USD/tấn, điều kiện CFR, bao gồm giá cước vận chuyển bằng tàu Panamax khoảng 12 USD/tấn.

Trong khi đó, chỉ số than nhiệt của khu vực Đông Bắc Á của Platts hôm thứ 6 đạt 104,75 USD/tấn, điều kiện CFR Nhật Bản cho than 5.750 kcal/kg NAR, cao hơn so với giá than Australia 5.500 kcal/kg NAR. Tại thị trường vận tải biển của Trung Quốc, các đơn hàng giao trong tháng 2 cho than Newcastle 5.500 kcal/kg NAR với giá thầu là 83 USD/tấn, điều kiện FOB so với mức giá chào bán là 86 USD/tấn. Trong khi đó giá than Newcastle 5.500 kcal/kg NAR tại khu vực phía Nam Trung Quốc là 92 USD/tấn, điều kiện CFR. Hiện tại cung cầu than nội địa đang cân bằng với giá cho than 5.500 kcal/kg NAR ở mức 745 NDT/tấn, điều kiện FOB Qinghuangdao. Giá than nội địa 5.000 kcal/kg NAR được giao dịch ở mức 665 NDT/tấn, điều kiện FOB Qinghuangdao. Ngoài ra, giá than Indonesian 4.800 kcal/kg NAR được giao dịch trong tuần này ở mức 73 USD/tấn, điều kiện FOB Kalimantan giao trên tàu không cầu, và một số đơn hàng than 5.200 kcal/kg NAR được giao dịch ở mức 82 USD/tấn.

Dự án mỏ than nhiệt Wallarah 2 dự kiến bắt đầu khai thác vào năm 2021

Dự án than nhiệt Wallarah 2 tại New South Wales (NSW) của Australia dự kiến sẽ bắt đầu khai thác vào năm 2021 với sản lượng 5 triệu tấn/năm. Dự án đã được Sở quy hoạch NSW thông qua giấy phép khai thác và dự kiến sẽ bắt đầu triển khai vào năm tới, khai thác than vào năm 2021. Liên doanh đầu tư vào dự án trên bao gồm Kores Australia (82,25%), Sojitz Coal Resources (5%), Kyungdong Australia (4,25%), SK Networks Resources Australia (Wyong) (4,25%) và SK Networks Resources (4,25%). Than khai thác được vận chuyển đến các cảng của Newcastle bằng tàu hỏa hoặc đến các NMNĐ trong nước. Dự án Wallarah 2 đã được trình lên Sở quy hoạch NSW lần đầu vào năm 2012, tuy nhiên đã tạo nên một tranh cãi do lo ngại về vấn đề môi trường. Hiện dự án đang chuyển sang giai đoạn đánh giá chi tiết và yêu cầu cấp phép cùng với thiết kế chi tiết và hoàn thành nghiên cứu khả thi lần cuối.

Sản lượng than của Powder River Basin trong năm 2017 tăng 7,2% so với năm 2016

Theo số liệu của Cơ quan Quản lý An toàn Mỏ của Mỹ, sản lượng than khai thác từ Powder River Basin (PRB) đạt tổng cộng 334,4 triệu tấn trong năm 2017, tăng 7,2% so với năm 2016. Sản lượng than tại khu vực này trong năm 2016 đã hơn 21% do giá khí đốt tự nhiên rẻ đã tạo ra sự chuyển đổi từ tiêu thụ than sang khí đốt. Tuy nhiên giá khí đốt đã tăng lên trong năm 2017 khiến nhu cầu than tăng lên mặc dù vẫn còn thấp hơn mức đỉnh 490 triệu tấn của năm 2008. Sản lượng từ các mỏ than 8.800 Btu/lb tại PRB, bao gồm Antelope của Cloud Peak Energy, Black Thunder của Arch Coal và North Antelope/Rochelle của Peabody Energy tại PRB là 200,6 triệu tấn trong năm 2017, tăng 5,3% so với năm 2016. Sản lượng từ các mỏ than 8.400 Btu/lb tại đây đạt tổng cộng 106,6 triệu tấn, tăng 8,8% so với năm 2016. Mỏ lớn nhất tại khu vực này là mỏ North Antelope/Rochelle của Peabody, cho sản lượng 101,6 triệu tấn than năm 2017, tăng 9,4% so với năm 2016 và chiếm tỷ lệ khoảng 13,2% của tất cả các mỏ than ở Mỹ vào năm 2017.

(Nguồn: Platts)

CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị: USD/tấn Thay đổi
Capesize (150.000 tấn)	Úc	Trung Quốc	6,80	+0,00
	Queensland	Nhật Bản	8,35	+0,00
	New South Wales	Hàn Quốc	8,85	+0,00
Panamax (70.000 tấn)	Richards Bay	Tây Ấn Độ	12,40	+0,15
	Kalimantan	Tây Ấn Độ	8,30	+0,00
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	12,90	+0,10
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	7,00	+0,10
	Úc	Trung Quốc	11,50	+0,10
	Úc	Ấn Độ	12,80	+0,15

(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 19/01/2018)